

Số: 1708 /GDĐT-MN

Quận 12, ngày 06 tháng 12 năm 2024

V/v triển khai Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT
về ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ
chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mẫu giáo - Mầm non
công lập và ngoài công lập.

Căn cứ Công văn số 7838/SGDĐT-GDMN ngày 04 tháng 12 năm 2024 của
Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Quyết định số 3276/QĐ-GDĐT về ban
hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non.

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai và hướng dẫn một số nội dung tổ
chức thực hiện như sau:

1. Quy trình tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số

1.1. Cơ sở giáo dục mầm non

Cơ sở giáo dục mầm non căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT và hướng
dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo để tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi
số (có thể lồng ghép vào kế hoạch chung của đơn vị); phân công và giao trách
nhiệm thực hiện cụ thể.

Thực hiện tự đánh giá trên hệ thống điện tử (<https://dti.hcm.edu.vn/>), đồng
thời cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành trước ngày 31/5
hàng năm.

Thủ trưởng các cơ sở giáo dục mầm non phê duyệt kết quả tự đánh giá; báo
cáo kết quả đánh giá về phòng Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức rà soát, kiểm tra và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ
sở giáo dục mầm non thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp.

Cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành trước ngày
20/6 hàng năm.

Công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục mầm
non trên cổng thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Chủ trì triển khai tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết
định số 3276/QĐ-BGDĐT và theo hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo hằng
năm.

Báo cáo kết quả tự đánh giá và cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ việc rà soát, kiểm tra về phòng Giáo dục và Đào tạo.

2.1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức, hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo (có thể hướng dẫn chi tiết thêm về điểm thành phần và minh chứng kèm theo để đảm bảo việc đánh giá được thực chất, công bằng và sát với yêu cầu thực tiễn).

Hàng năm tổ chức triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn.

Giám sát, kiểm tra kết quả đánh giá của các cơ sở giáo dục mầm non. Báo cáo kết quả đánh giá về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, MN.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Thuỳ Trang



PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
(Kèm theo Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục mầm non (ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch hằng năm) Triển khai ứng dụng¹ quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Nếu có, cung cấp thông tin (tên phần mềm, tự xây dựng/ mua/ thuê/ miễn phí) và có triển khai các nội dung sau: - Quản lý thông tin trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin y tế trường học. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm) - Quản lý thông tin phổ cập giáo dục. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục, tối đa 05 điểm; không triển khai: 0 điểm)				Điều kiện bắt buộc (Kế hoạch, văn bản minh chứng)
2.		60	05 điểm 05 điểm 05 điểm 05 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-45 điểm Mức độ 3: trên 45 điểm	Dường link/Thuyết minh/Văn bản/Minh chứng khác ²



¹ Gọi chung cho phần mềm, giải pháp hoặc hệ thống CNTT.
² Minh chứng khác do cơ quan quản lý giáo dục quy định thêm phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Quản lý thông tin tài sản, tài chính. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)		03 điểm		
	- Quản lý văn bản điện tử. (Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử, tối đa 03 điểm; không triển khai: 0 điểm)		03 điểm		
	- Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hàng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ. (Cách đánh giá: Có triển khai, có thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên và đáp ứng yêu cầu theo quy định, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		
	- Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		
	- Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường. (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần/tháng/quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 07 điểm; không triển khai: 0 điểm)		07 điểm		
	- Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng. (Cách đánh giá: Có triển khai và tần suất sử dụng (theo tuần, tháng, quý) đáp ứng yêu cầu của ngành Giáo dục, tối đa 2,5 điểm; không triển khai: 0 điểm)		2,5 điểm		
	- Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý) (Cách đánh giá: Kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, tối đa 5,5 điểm; thiếu kết nối cho một nội dung triển khai, trừ 0,5 điểm; không có kết nối: 0 điểm)		5,5 điểm		
	- Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ				Điều kiện bắt buộc (Quy chế, văn bản minh

STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	Triển khai dịch vụ trực tuyến: - Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 4 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>				chứng)
3.	- Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai đầy đủ tối thiểu các chức năng trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>	12	04 điểm	Mức độ 1: dưới 04 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản/ Minh chứng khác ²
	- Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. <i>(Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 04 điểm; không triển khai: 0 điểm)</i>		04 điểm	Mức độ 2: từ 04-08 điểm	
			04 điểm	Mức độ 3: trên 08 điểm	
4.	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỉ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỉ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỉ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỉ lệ dưới 10%: 0 điểm)</i>	20	10 điểm	Mức độ 1: dưới 05 điểm	Văn bản/ Kế hoạch. Tỷ lệ % được tính trên tổng số giáo viên của cơ sở giáo dục/ Minh chứng khác ²
	- Tỷ lệ giáo viên hàng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số.		10 điểm	Mức độ 2: từ 05-15 điểm	
	<i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỉ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỉ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỉ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỉ lệ dưới 10%: 0 điểm)</i>			Mức độ 3: trên 15 điểm	
5.	Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị (như: thiết bị trình chiếu, tivi, máy tính, thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ khác) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet (trong trường hợp thiết bị có cổng kết nối Internet) <i>(Cách đánh giá: Tỷ lệ >50%: 04 điểm; tỉ lệ từ trên 30%-50%: 03 điểm; tỉ lệ từ trên 10%-30%: 02 điểm; tỉ lệ từ trên 05%-10%: 01 điểm; tỉ lệ <05%: 0 điểm)</i>	08	04 điểm	Mức độ 1: dưới 03 điểm Mức độ 2: từ 03-06 điểm Mức độ 3: trên 06 điểm	Tỷ lệ % được tính trên tổng số phòng học



STT	Tiêu chí	Điểm tổng tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non (Cách đánh giá: Có máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn: tối đa 04 điểm; có máy tính phục vụ công tác văn phòng: 02 điểm; không có máy: 0 điểm)		04 điểm		Văn bản/ Minh chứng khác ²
	Tổng điểm tối đa	100			
